

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 / 6 /2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thúy Vân.
2. Ông Nguyễn Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Vân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nèang Kim R, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 13, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Chau Đ, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ 9, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà Dung – Cán bộ Đài truyền thanh huyện T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nèang Kim R trình bày:

Bà Nèang Kim R và ông Chau Đ chung sống với nhau năm 2000, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Bà R và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà Ryêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà R và ông Đ có 01 người con chung tên Nèang Ci R, sinh ngày 20/02/2001 hiện do bà R đang nuôi dạy. Bà Ryêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu R, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà R khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn là ông Chau Đ trình bày: Ông Đ thống nhất lời trình bày của bà R về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà R, để bà R được tiếp tục nuôi dạy cháu R, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà R và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Về con chung: Bà R và ông Đ có 01 người con chung tên Nèang Ci R, sinh ngày 20/02/2001 hiện do bà R đang nuôi dạy. Bà R và ông Đ cùng thống nhất thỏa thuận bà R được tiếp tục nuôi dạy cháu R, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà R và ông Đ thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông Đ là vợ chồng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà R và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Theo lời khai của bà R và ông Đ thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cự cãi, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, bà R khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ và ông Đ cũng đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, bà R và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn nên quan hệ của bà R và ông Đ không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Bà R và ông Đ có 01 người con chung tên Neàng Ci R, sinh ngày 20/02/2001 hiện bà R đang nuôi dạy. Bà R và ông Đ cùng thống nhất bà R được nuôi dạy cháu R, ông Đ không phải không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu R có nguyện vọng được sống cùng với bà R. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên được công nhận.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà R và ông Đ cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Neàng Kim R và ông Chau Đ là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Neàng Kim R và ông Chau Đ. Bà Neàng Kim R được nuôi dạy cháu Neàng Ci R, sinh ngày 20/02/2001. Ông Chau Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Chau Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Neàng Kim R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0004128 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Chau Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện KSND huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lý Thúy Vân Nguyễn Văn Tâm

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

